TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Tiến Chuẩn, ông Phạm Văn Chữ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 389/2025/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị B, sinh năm 1989.

Sô căn cước: 052189015511.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* anh Ngô Văn C, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn C, xã S, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh Ngô Văn C kết hôn với nhau năm 2013, trước khi kết hôn, chị và anh C có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là: xã C, Gia Lai). Sau ngày cưới, chị B về chung sống với anh C ngay tại thôn C, xã S. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình

nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị và anh C đã sống ly thân với nhau năm 2015 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn C.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh C có 02 con chung là cháu Ngô Lê Bảo L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Ngô Lê Tuấn K, sinh ngày 16/11/2018. Hiện hai cháu đang sống cùng chị, Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.
Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản làm việc ngày 18/11/2025, bà Ngô Thi Đ là mẹ ruột anh C có trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Ngô Văn C, năm 2013 gia đình bà tổ chức cưới cho anh C và chị Lê Thị B, trước khi kết hôn, anh C và chị B có được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là: xã C, Gia Lai). Sau ngày cưới, chị B về chung sống với anh C ngay, vợ chồng anh C sống cùng với vợ chồng bà, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị B phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay ghen tuông, không cùng quan điểm sống trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến hay cãi nhau, đánh nhau. Chị B đã sống ly thân anh C từ năm 2015 năm đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị B đề nghị ly hôn với anh C, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh C và chị B có 02 con chung là cháu Ngô Lê Bảo L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Ngô Lê Tuấn K, sinh ngày 16/11/2018. Hiện nay, đang ở với chị B. Anh C và chị B ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh C và chị B không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung.

Hiện nay, anh C đi làm xa, địa chỉ cụ thể anh C không nói cho bà biết nên ban ngày không có mặt ở nhà. Tuy nhiên, bà có nói với anh C về việc chị B đề nghị Tòa án ly hôn cho anh C biết, anh C có nói với bà là anh C nhất trí ly hôn với chị B, nhất trí để chị B nuôi con.

Bằng lời trình bày này, bà xin nhận thay anh C tất cả văn bản tố tụng và cam kết giao lại cho anh C theo đúng quy định pháp luật.

Tòa án cũng tiến hành xác minh qua thôn, ông Cao Đình L1 – Trưởng thôn C1 cho biết: Anh C có hộ khẩu và sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, anh C đi làm công nhân nên ban ngày không có mặt ở nhà. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C2 và chị B thì địa phương không năm được chỉ thấy chị B đã sống ly thân với anh C và không sinh sống tại địa phương.

Tòa án cũng lấy lời khai của cháu Ngô Lê Bảo L và cháu Ngô Lê Tuấn K, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị B.

Tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 6, Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho chị Lê Thị B và anh Ngô Văn C được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Bích trực T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu cháu Ngô Lê Bảo L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Ngô Lê Tuấn K, sinh ngày 16/11/2018. Anh C có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

Về án phí: chị Lê Thị Bích P chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị B vắng mặt những đã có đơn xin vắng mặt, anh Ngô Văn C vắng mặt lần thứ hai không có ý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn cư trú tại xã C, tỉnh Gia Lai, bị đơn cư trú tại xã S, tỉnh Bắc Ninh, chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự.

[3] Về Nội dung: chị Lê Thị B và anh Ngô Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (nay là xã C, tỉnh Gia Lai) ngày 05/4/2017. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị B, Hội đồng xét xử thấy: chị B xác định vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2015 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C. Anh C có biết việc chị B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh C không đến Tòa án làm việc chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn anh C là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị B và anh C có 02 con chung là cháu cháu Ngô Lê Bảo L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Ngô Lê Tuấn K, sinh ngày 16/11/2018. Chị B có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, hai cháu Bảo L và Tuấn K cũng có nguyện vọng được ở với chị B. Anh C không trình bày quan điểm do không đến Tòa án làm việc. Để đảm bảo cuộc sống bình thường của hai cháu nên cần giao cho chị B nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: chị Lê Thị Bích P chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị B

1. Cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Ngô Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Bích trực T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu cháu Ngô Lê Bảo L, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Ngô Lê Tuấn K, sinh ngày 16/11/2018 cho đến khi cháu cháu L, cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Bích P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003950 ngày 25/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận chị B1 nộp đủ án phí. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND Canh Vinh, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu